

Số: 17/BC-HĐND

An Giang, ngày 13 tháng 4 năm 2022

**BÁO CÁO**

**Thẩm tra về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B  
và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B  
sử dụng vốn đầu tư công**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và cho ý kiến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công.

Qua xem xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

1. Thống nhất quyết định chủ trương đầu tư 18 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công với tổng mức đầu tư là 2.124.512 triệu đồng (Trong đó: Nguồn vốn ngân sách tỉnh là 1.353.219 triệu đồng, ngân sách huyện là 771.293 triệu đồng).

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)*

2. Thống nhất Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 08 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2020, Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021, Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổng mức đầu tư là 3.528.660 triệu đồng bao gồm vốn đầu tư công ngân sách trung ương là 3.199.866 triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 255.306 triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện là 73.488 triệu đồng.

*(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)*

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát đảm bảo tính chính xác các số liệu, hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND-Huy.



**Nguyễn Duy Toàn**





PHỤ LỤC 01

**QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

(Đính kèm Báo cáo số 18 /BC-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>TỔNG CỘNG</b>																
<b>I</b>	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>					<b>1.807.903</b>	<b>0</b>	<b>1.341.411</b>	<b>466.492</b>	<b>0</b>	<b>1.104.643</b>	<b>255.601</b>	<b>67.652</b>	<b>380.007</b>		
1	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 thành phố Long Xuyên	Long Xuyên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Long Xuyên.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn thành phố Long Xuyên; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	70.296		36.430	33.866		44.207	11.056		15.033	2022-2025	04 năm
2	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 thị xã Tân Châu	Tân Châu	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực thị xã Tân Châu	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn thị xã Tân Châu; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	113.909		89.880	24.029		67.147	22.733		24.029	2022-2025	04 năm
3	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 huyện Châu Thành	Châu Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện Châu Thành; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	94.197		67.779	26.418		44.818	22.961	6.440	19.978	2022-2025	04 năm
4	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 huyện Châu Phú	Châu Phú	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực huyện Châu Phú.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện Châu Phú; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	109.890		88.925	20.965		72.654	16.271		20.965	2022-2025	04 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
5	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 huyện Phú Tân	Phú Tân	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện Phú Tân; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	206.040		160.770	45.270		133.928	26.842		45.270	2022-2025	04 năm
6	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 huyện An Phú	An Phú	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện An Phú.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện An Phú; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	145.878		111.870	34.008		95.078	16.792	3.219	30.789	2022-2025	04 năm
7	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 huyện Chợ Mới	Chợ Mới	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực huyện Chợ Mới.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện Chợ Mới; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	113.205		87.599	25.606		73.623	13.976		25.606	2022-2025	04 năm
8	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 huyện Thoại Sơn	Thoại Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện Thoại Sơn; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	86.395		63.922	22.473		50.354	13.568	4.500	17.973	2022-2025	04 năm
9	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 huyện Tri Tôn	Tri Tôn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Tri Tôn.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện Tri Tôn; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	167.115		134.628	32.487		105.591	29.037		32.487	2022-2025	04 năm



STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
10	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 huyện Tịnh Biên	Tịnh Biên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Tịnh Biên.	Xây dựng mới và cải tạo phòng học và phòng tin học tại các điểm trường địa bàn huyện Tịnh Biên; Mua sắm bổ sung trang thiết bị.	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ Chương trình giáo dục phổ thông mới giai đoạn 2021 – 2025 nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	161.361		125.867	35.494		93.021	32.846		35.494	2022-2025	04 năm
11	Trường Trung học cơ sở Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh)	Châu Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.	Xây mới: 09 phòng học, khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, công trình nước sạch, hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.	Đầu tư xây dựng Trường THCS Hòa Bình Thạnh điểm chính (Hòa Thạnh) tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên của trường có môi trường học tập và làm việc được tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	54.209		40.881	13.328		35.163	5.718	1.345	11.983	2023-2026	04 năm
12	Trường tiểu học A An Châu	Châu Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành.	Xây mới: 30 phòng học; Khối phòng chức năng; Khối hành chính quản trị; Khối phục vụ học tập và hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.	Đầu tư xây dựng Trường tiểu học A An Châu tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên của trường có môi trường học tập và làm việc được tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài và bồi dưỡng nhân lực, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.	71.516		48.691	22.825		42.320	6.371	7.322	15.503	2024-2027	04 năm
13	Trường Trung học cơ sở An Châu	Châu Thành	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Thành	Xây mới: 34 phòng học; Khối phòng chức năng; Khối hành chính quản trị; Khối phục vụ học tập và hạ tầng kỹ thuật; Thiết bị.	Đầu tư xây dựng Trường trung học cơ sở An Châu tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên của trường có môi trường học tập và làm việc được tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài và bồi dưỡng nhân lực, phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.	103.331		71.736	31.595		65.273	6.463	11.989	19.606	2023-2026	04 năm

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
14	Trường Trung học cơ sở Thạnh Mỹ Tây	Châu Phú	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Châu Phú	- Xây mới: 10 phòng học; một số phòng thuộc Khối phòng hành chính quản trị; Khối phòng học tập; một số phòng thuộc Khối phòng hỗ trợ học tập; một số phòng thuộc Khối phòng phụ trợ; Công trình nước sạch; Hạ tầng kỹ thuật. - Cải tạo: 14 phòng học; một số phòng thuộc Khối phòng hành chính quản trị; một số phòng thuộc Khối phòng hỗ trợ học tập; một số phòng thuộc Khối phụ trợ. - Thiết bị	Đầu tư xây dựng Trường trung học cơ sở Thạnh Mỹ Tây tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên của trường có môi trường học tập và làm việc được tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	51.752		38.875	12.877		31.612	7.263	1.200	11.677	2023-2026	04 năm
15	Trường Trung học cơ sở Phước Hưng	An Phú	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện An Phú	- Xây dựng mới: 12 phòng học, một số phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập, một số phòng thuộc khối phòng hỗ trợ học tập, một số hạng mục khối phụ trợ, công trình nước sạch, hạ tầng kỹ thuật. - Cải tạo: một số phòng thuộc khối phòng hành chính quản trị, một số phòng thuộc khối phòng hỗ trợ học tập, một số hạng mục khối phụ trợ. - Thiết bị.	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo Trường THCS Phước Hưng tạo điều kiện cho học sinh và giáo viên của trường có môi trường học tập và làm việc được tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	52.313		40.657	11.656		35.953	4.704	0	11.656	2023-2026	04 năm
16	Trường trung học cơ sở thị trấn Núi Sập	Thoại Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Diện tích khu đất khoảng 15.345m <sup>2</sup>	Đầu tư xây dựng trường nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	104.024		67.515	36.509		58.015	9.500	15.345	21.164	2024-2027	04 năm
17	Trường trung học cơ sở thị trấn Phú Hòa	Thoại Sơn	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện Thoại Sơn	Diện tích khu đất khoảng 16.292m <sup>2</sup> .	Đầu tư xây dựng trường nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	102.472		65.386	37.086		55.886	9.500	16.292	20.794	2024-2027	04 năm
<b>II</b>	<b>GAO THÔNG</b>					<b>316.609</b>	<b>0</b>	<b>11.808</b>	<b>304.801</b>	<b>0</b>	<b>26.109</b>	<b>0</b>	<b>256.010</b>	<b>34.490</b>		
1	Đường Nguyễn Văn Linh (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh hiện hữu đến đường tránh thành phố Long Xuyên)	Long Xuyên	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Long Xuyên.	Chiều dài tuyến 420m và tạo quỹ đất 02 bên đường	Phục vụ nhu cầu đi lại của người dân và hoàn chỉnh thành phố Long Xuyên theo quy hoạch được phê duyệt. Tạo quỹ đất để mời gọi đầu tư dự án và thu hồi vốn từ nguồn bán đấu giá đất sạch sau khi tạo quỹ đất.	316.609		11.808	304.801		26.109		256.010	34.490	2022-2025	04 năm





PHỤ LỤC 02

**ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

(Đính kèm Báo cáo số 18/BC-HĐND ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh)

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt											Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư																
							Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí							Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí						Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Tổng mức đầu tư	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)	Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh						Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						
																													21	22	23	24		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31				
<b>TỔNG CỘNG</b>								3.497.810	3.316.070	124.850	56.890	0	2.034.734	5.254	956.788	501.034							3.528.660	3.199.866	255.306	73.488	0	2.047.927	11.353	948.686	520.694			
I	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP</b>						117.740	0	60.850	56.890	0	81.753	5.254	16.492	14.241					148.590	0	75.102	73.488	0	100.431	10.253	5.400	32.506						
1	Trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Tây	xã Hòa Bình - CM	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực huyện Chợ Mới.	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của HĐND tỉnh		Đầu tư xây dựng mới các hạng mục góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đồng thời hoàn thiện tiêu chí đạt xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Mới, góp phần vào công cuộc phát triển sự nghiệp giáo dục của tỉnh An Giang.	59.342		42.850	16.492		42.850		16.492		2020-2023	4 năm		Diện tích khu đất khoảng 15.000m <sup>2</sup> . - Xây mới: 26 phòng học và tất cả các phòng thuộc khối phòng học tập, khối phòng hành chính quản trị, khối phòng hỗ trợ học tập, khối phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật, công trình nước sạch, trang thiết bị. Đầu tư xây dựng trường nhằm giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà trường và thực hiện mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đồng thời hoàn thiện tiêu chí đạt xã nông thôn mới trên địa bàn huyện Chợ Mới, đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	78.192			57.102	21.090				52.103	4.999	5.400	15.690	2023-2026	04 năm	
2	Trường trung học cơ sở Triệu Thị Trinh	P.Mỹ Hòa, TPLX	UBND thành phố Long Xuyên	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh		Khối phòng học + khối bộ môn + Nhà thi đấu đa năng + Thư viện + khối hiệu bộ + công trình phụ trợ + HTKT và thiết bị Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên của trường. Đồng thời góp phần hoàn chỉnh cơ sở vật chất cho ngành giáo dục.	58.398		18.000	40.398		38.903	5.254		14.241	2016-2020	05 năm		Diện tích khu đất khoảng 11.857m <sup>2</sup> . Xây dựng mới Khối phòng học + khối bộ môn + Nhà thi đấu đa năng + Thư viện + khối hiệu bộ + công trình phụ trợ + hạ tầng kỹ thuật và thiết bị. Đầu tư xây dựng Trường trung học cơ sở Triệu Thị Trinh, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất để phục vụ cho việc học tập và sinh hoạt của học sinh và giáo viên, hoàn chỉnh cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu mang lưới trường lớp học của ngành giáo dục về xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy và học của ngành để nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh so với khu vực và cả nước.	70.398			18.000	52.398				48.328	5.254		16.816	2021-2024	4 năm	

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt											Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư															
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
II	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ:						3.380.070	3.316.070	64.000	0	0	1.952.981	0	940.296	486.793			3.380.070	3.199.866	180.204	0	0	1.947.496	1.100	943.286	488.188				
II.1	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, ĐIỂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN						92.980	92.980	0	0	0	69.305	0	8.231	15.444			92.980	83.376	9.604	0	0	63.820	1.100	11.221	16.839				
1	Tuyển dân cư di dời khẩn cấp vùng sạt lở sông Hậu, xã Châu Phong (giai đoạn 1)	TX. Tân Châu	Ban QLDA ĐT&XD khu vực thị xã Tân Châu	Nghị quyết 01/NQ-HĐND ngày 05/5/2020 của HĐND tỉnh	9,07ha; 422 nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	92.980	92.980				69.305		8.231	15.444	2020-2024	4 năm	49.874 m2, bố trí 221 lô nền	Đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho các hộ dân vùng sạt lở nghiêm trọng. Đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân nhằm giúp người dân có cuộc sống ổn định và phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	92.980	83.376	9.604			63.820	1.100	11.221	16.839	2021-2024	4 năm
II.2	GIAO THÔNG						3.287.090	3.223.090	64.000	0	0	1.883.676	0	932.065	471.349			3.287.090	3.116.490	170.600	0	0	1.883.676	0	932.065	471.349				
1	Nâng cấp Đường tỉnh 958 (Tuyến Trì Tôn - Vàm Rầy)	TT	Ban QLDA ĐTXD CTGT&NN	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh	Chiều dài tuyến đường: 18,80km	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch ngày càng cao trên tuyến, cũng như từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh theo quy hoạch, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội.	266.000	266.000				170.000		60.000	36.000	2022-2025	04 năm	Chiều dài tuyến đường: 18,80km	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch ngày càng cao trên tuyến, cũng như từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh theo quy hoạch, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế xã hội.	266.000	239.400	26.600			170.000		60.000	36.000	2022-2025	04 năm
2	Đường tỉnh 941 (đoạn nối dài)	LX-CT	Ban QLDA ĐTXD CTGT&NN	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh	11,8km đường và 6 cầu dài 186m và 14 công ngang đường	Giảm áp lực giao thông đoạn QL91 qua địa phận thị trấn An Châu và Đường tỉnh 941 và phát triển kinh tế xã hội huyện Châu Thành	864.000	800.000	64.000			458.176		277.685	128.139	2022-2025	04 năm	11,8km đường và 6 cầu dài 186m và 14 công ngang đường	Giảm áp lực giao thông đoạn QL91 qua địa phận thị trấn An Châu và Đường tỉnh 941 và phát triển kinh tế xã hội huyện Châu Thành	864.000	720.000	144.000			458.176		277.685	128.139	2022-2025	04 năm
3	Đường tỉnh 947	CP,CT,TS	Ban QLDA ĐTXD CTGT&NN	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh	37,50km và 24 cầu dài 1450m, 09 công thủy lợi	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt cũng như từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh theo quy hoạch và góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	1.495.000	1.495.000				856.184		445.657	193.159	2024-2027	04 năm	37,50km và 24 cầu dài 1450m, 09 công thủy lợi	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt cũng như từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông đường bộ trong tỉnh theo quy hoạch và góp phần phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.	1.495.000	1.495.000				856.184		445.657	193.159	2024-2027	04 năm: Giai đoạn 2021-2025 bố trí 491.659 triệu đồng, giai đoạn 2026-2030 bố trí 1.003.341 triệu đồng



STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt											Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư																	
				Nghị quyết HĐND tỉnh và chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện		
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)				
																															2023-2026	2023-2026
4	Tuyến đường vòng Công viên Văn hóa Núi Sam	CD	Ban QLDA, DT&XD khu vực thành phố Châu Đốc	Nghị quyết 25/NQ-HĐND ngày 22/7/2021 của HĐND tỉnh	Diện tích sử dụng đất: 140,266,51m <sup>2</sup> ; Chiều dài tuyến: 2,741m; Bao gồm các hạng mục: san lấp mặt bằng, hệ thống cây xanh + vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng, mặt đường, công ngang đường, cầu bắc qua Kênh Xáng, hệ thống thoát nước dọc (nước mưa), hệ thống cấp nước + trụ cứu hỏa, đường dây trung thế.	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, vận chuyển hàng hóa của người dân trong khu vực, góp phần giải quyết ùn tắc, kẹt xe thường xuyên trong mùa lễ hội vía Bà Chúa Xứ Núi Sam.	299.877	299.877				163.150			89.870	46.857	2023-2026	04 năm	Diện tích sử dụng đất: 140,266,51m <sup>2</sup> ; Chiều dài tuyến: 2,741m; Bao gồm các hạng mục: san lấp mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, vận chuyển hàng hóa của người dân trong khu vực, góp phần giải quyết ùn tắc, kẹt xe thường xuyên trong mùa lễ hội vía Bà Chúa Xứ Núi Sam.	299.877	299.877				163.150			89.870	46.857	2023-2026	04 năm: Giai đoạn 2021-2025 bổ trí 213.973 triệu đồng, giai đoạn 2026-2030 bổ trí 85.904 triệu đồng
5	Tuyến tránh đường tỉnh 951 (đoạn từ Km8+550 đến Km15+950)	Phù Tân	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Phù Tân	Nghị quyết 11/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 và số 43/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh	Chiều dài tuyến 9km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954	362.213	362.213				236.166			58.853	67.194	2023-2026	04 năm	Chiều dài tuyến 9km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954	362.213	362.213				236.166			58.853	67.194	2023-2026	04 năm: Giai đoạn 2021-2025 bổ trí 267.300 triệu đồng, giai đoạn 2026-2030 bổ trí 94.913 triệu đồng